

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 27/02/2020.

V/v Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Dung và ông Lù Văn Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị C – Sinh năm: 1980. Địa chỉ: Tổ 07, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C - Sinh năm: 1977. Địa chỉ: Tổ 01, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La. Hiện đang chữa trị cai nghiện tại Cơ sở Điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai ngày 06/02/2020, nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày như sau:

Chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau vào ngày 19 tháng 03 năm 2003. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố S, tỉnh Sơn

La. Sau ngày kết hôn hai vợ chồng chị về sống chung với bố mẹ anh C. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 11 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Văn C mắc nghiện chất ma túy, nhiều lần gia đình đã đưa đi chữa trị nhưng anh C vẫn tái nghiện, hiện nay anh C đang chữa trị cai nghiện tại Cơ sở Điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Sơn La nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không đạt. Hai anh, chị sống ly thân từ đó cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Lê Thị C làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị Lê Thị C khai vợ chồng, chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tùng L - Sinh ngày: 28/08/2003. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Nghề nghiệp của chị Lê Thị C hiện nay là giáo viên, thu nhập bình quân một tháng là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng chẵn).

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị và anh tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Lê Thị C xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/02/2020 bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như ý kiến của chị Lê Thị C trình bày. Trong quá trình chung sống đến tháng 11 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh mắc nghiện chất ma túy, nhiều lần gia đình đã đưa đi chữa trị nhưng anh C vẫn tái nghiện. Nhưng hiện tại anh C vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị C và mong muốn được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Nguyễn Văn C xác định có 01 con chung như chị Lê Thị C trình bày nếu ly hôn nguyện vọng của anh xin nhường quyền nuôi cháu Nguyễn Tùng L cho cho chị Lê Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện VKSND thành phố Sơn La như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, nghị án Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử cho chị Lê Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tùng L - Sinh ngày: 28/08/2003 cho chị Lê Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn C. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, tài sản riêng: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn anh Nguyễn Văn C có nguyện vọng được giải quyết, xét xử

vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau vào ngày 19 tháng 03 năm 2013. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn C là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 11 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Văn C mắc nghiện chất ma túy, nhiều lần gia đình đã đưa đi chữa trị nhưng anh C vẫn tái nghiện, hiện nay anh C đang chữa trị cai nghiện tại Cơ sở Điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Sơn La nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được gia đình khuyên ngăn nhưng không có kết quả, anh, chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lê Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn C có 01 con chung là cháu Nguyễn Tùng L - Sinh ngày: 28/08/2003.

Xét thấy, chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn C đều thống nhất để chị Lê Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tùng L. Hiện chị Lê Thị C có công việc, thu nhập ổn định hơn anh Nguyễn Văn C, bên cạnh đó anh C đang tập trung chữa trị cai nghiện, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên cần giao cháu Nguyễn Tùng L cho cho chị Lê Thị C trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Lê Thị C không có yêu cầu đề nghị gì, do đó cần tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Văn C.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng: Hai anh chị tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho Chị Lê Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tùng L - Sinh ngày: 28/08/2003 cho chị Lê Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn C. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số 0004724 ngày 24 tháng 12 năm 2019.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- UBND phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Nguyễn Anh Đức**